

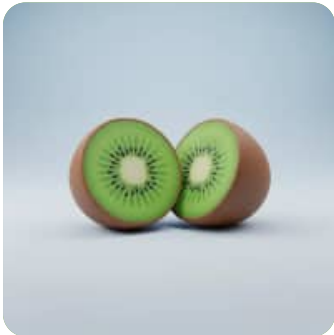
ベトナム語の果物

片面印刷し、中央の点線で折って、グレーの線で切り取ってください

 táo	 chuối	バナナ Quả chuối đó rất chín. そのバナナはとても熟れています。 レッスン89・よくある果物	りんご Bố tôi ăn rất nhiều táo. 父はりんごをたくさん食べます。 レッスン89・よくある果物
 cam	 chanh	レモン Những quả chanh này rất chua. このレモンはとても酸っぱいです。 レッスン89・よくある果物	オレンジ Làm thế nào để bóc vỏ một quả cam? オレンジはどうやって皮をむきますか？ レッスン89・よくある果物
 dâu tây	 nho	ぶどう Cô ấy làm rơi một quả nho xuống sàn nhà. 彼女は床にぶどうを落としました。 レッスン89・よくある果物	いちご Chúng tôi đã hái những quả dâu tây tươi. 私たちは新鮮ないちごを摘みました。 レッスン89・よくある果物
 quả lê	 quả đào	桃 Anh ấy mua một quả đào mềm ở chợ. 彼は市場で柔らかい桃を買いました。 レッスン89・よくある果物	梨 Quả lê này đã đủ chín để ăn chưa? その梨は食べるのに十分熟していますか？ レッスン89・よくある果物

ベトナム語の果物

片面印刷し、中央の点線で折って、グレーの線で切り取ってください

 dứa	 dưa hấu	Suica Chúng tôi đã chia nhau một quả dưa hấu lớn trong buổi dã ngoại. 私たちはピクニックで大きなスイカを分け合いました。 Lessons 89 - よくある果物	Pineapple Dứa có vị ngọt và hơi chua. パイナップルは甘くて少し酸っぱいです。 Lessons 89 - よくある果物
 quả anh đào	 dưa	Melon Quả dưa này có mùi rất ngọt. このメロンはとても甘い匂いがします。 Lessons 89 - よくある果物	Sakuranbo Có bao nhiêu quả anh đào trong bát? ボウルの中にさくらんぼはいくつ入っていますか？ Lessons 89 - よくある果物
 kiwi	 chanh	Lime Cô ấy cắt quả chanh xanh. 彼女は緑色のライムを切ります。 Lessons 92 - 甘いおやつとトロピカルフルーツ	Kiwi Cô ấy ăn một quả kiwi ngọt. 彼女は甘いキウイを食べています。 Lessons 92 - 甘いおやつとトロピカルフルーツ
 xoài	 dừa	Coconut Tôi đã ăn quả dừa tươi. 新鮮なココナッツを食べました。 Lessons 92 - 甘いおやつとトロピカルフルーツ	Mango Cô ấy ăn một quả xoài ngọt. 彼女は甘いマンゴーを食べています。 Lessons 92 - 甘いおやつとトロピカルフルーツ